TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/KDTM-ST
Ngày 26/9/2017
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mầm.

Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST- KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST-KDTM ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Đường T, phường M, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu X. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh H, tỉnh Đăk Lăk.

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

(Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 16/9/2016)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đại T. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh, Ngân hàng Việt Nam, Chi nhánh H, tỉnh Đăk Lăk; có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2017)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T (Hộ kinh doanh Phạm Văn L).

Đại chỉ: Đường S, phường E, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Trần Đại T trình bày:

Ngày 05/3/2014, ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T (Hộ kinh doanh Phạm Văn L, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh số 40A8015359) có ký hợp đồng tín dụng số 5218LAV201400238 với Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh H, tỉnh Đăk Lăk để vay số tiền 500.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hạn trả nợ ngày 05/3/2015. Ngân hàng đã gia hạn nợ đến ngày 05/3/2016.

Tài sản thế chấp để bảo đảm trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AO749924 do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 04/3/2009 mang tên Phạm Văn L; thửa đất số 56, tờ bản đồ số 18 tại đường S, phường E, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk tại Hợp đồng thế chấp số 303/14 ký ngày 04/3/2014 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T mới chỉ trả được số tiền lãi từ ngày 05/3/2014 đến ngày 29/11/2014 là 45.000.000 đồng. Ngoài ra, ông L, bà T không trả được thêm khoản nợ gốc, lãi nào cho Ngân hàng. Hiện nay, vợ chồng ông L và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là 719.416.667 đồng; trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 76.666.667 đồng; lãi quá hạn 142.750.000 đồng (tính đến ngày 26/9/2017).

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông L và bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ trên và lãi phát sinh từ ngày 14/6/2017 cho đến khi trả hết nợ theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 303/14 ký ngày 04/3/2014 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Bị đơn, ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T: Đã vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh H, tỉnh Đăk Lăk đã yêu cầu và Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 06/2016/TB-TA ngày 29/11/2016 để ông L, bà T về giải quyết khoản nợ vay với Ngân hàng, nhưng đến nay ông L, bà T vẫn không về và không có mặt tại nơi cư trú để giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/6/2017, xác định: Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại đường S, phường E, Tp. B, nhưng ông

L, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Hiện nay ông L, bà T ở đâu, địa phương không biết.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông L, bà T không đến Toà án để tham gia tố tụng theo theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cố tình vắng mặt khỏi địa phương và không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông L, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L và bà T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường S, phường E, Tp. B. Nhưng ông L, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương và vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh H đã yêu cầu và Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông L, bà T theo Thông báo số 06/2016/TB-TA ngày 29/11/2016 để ông L, bà T về để giải quyết khoản nợ vay với Ngân hàng, nhưng đến nay ông L, bà T vẫn không về và không có mặt tại nơi cư trú để giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/6/2017, đã xác định: Ông L, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3/2016 đến nay. Hiện nay ông L, bà T ở đâu, địa phương không biết.

Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì ông L và bà T được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định để ông L, bà T đến Toà án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng ông L, bà T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông L, bà T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX nhận định: Việc vay tiền giữa ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị T (Hộ kinh doanh Phạm Văn L) và Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh H là có thật. Được thể hiện bằng hợp đồng tín dụng số 5218LAV201400238/HĐTD ngày 05/3/2014. Số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất trong hạn tại thời điểm cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ ngày 05/3/2015. Mục đích vay vốn là kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Để bảo đảm tiền vay, ông L, bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 303/14 ngày 04/3/2014. Hợp đồng thế chấp cũng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức tuân thủ các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đồng thời đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tài sản thế chấp cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông L, bà T có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 749924, diện tích 253.5m^2, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 26, do Ủy ban nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 04/3/2009, địa chỉ thửa đất tại phường Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày vay đến nay, ông L, bà T mới chỉ trả được số tiền lãi từ ngày 05/3/2014 đến ngày 29/11/2014 là 45.000.000 đồng. Ngoài ra, ông L, bà T không trả được thêm khoản nợ gốc, lãi nào cho Ngân hàng. Ngân hàng gia hạn thêm 1 năm (đến tháng 3/2016) để khách hàng vay có thời gian thu xếp trả nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, khoản vay đã quá hạn trả nợ từ ngày 05/3/2016.

Hiện nay, ông L, bà T còn nợ tổng số tiền là 719.416.667 đồng; trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 76.666.667 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2017 là 142.750.000 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông L, bà T đã vi phạm quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, xét yêu cầu của N Việt Nam buộc ông L, bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên và lãi suất phát sinh từ ngày 26/9/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại 471, Điều 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005, cần chấp nhận.

- Sau khi ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T trả hết nợ, Ngân hàng N Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho ông L, bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 749924 do Ủy ban nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 04/3/2009.

[4] Trong trường hợp ông L và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 303/14 ngày 04/3/2014 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T phải chịu 28.776.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí do ông Trần Ngọc T đã nộp thay là 15.867.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0000725 ngày 27/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N Việt Nam. Buộc ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam tổng số tiền nợ là 719.416.667 đồng; trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 76.666.667 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2017 là 142.750.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Sau khi ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T trả hết nợ, Ngân hàng N Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho ông L, bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 749924 do Ủy ban nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 04/3/2009.

- Trong trường hợp ông L và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 303/14 ngày 04/3/2014 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T phải chịu 28.776.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí do ông Trần Ngọc T đã nộp thay là 15.867.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0000725 ngày 27/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải